

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP CẦN THƠ**

Bản án số: 83/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2020

V/v Ly hôn giữa chị V và anh
Cần

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thơm

2. Ông Nguyễn Hoàng Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Phụng - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2020/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Phi V, sinh năm 1991; Trú tại: Ấp Đ, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trịnh Thanh C, sinh năm 1986; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Phi V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 2009, do mai mối, tìm hiểu được sự đồng ý của gia đình hai bên, chị và anh Trịnh Thanh C tự nguyện tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, mất lòng tin lẫn nhau dẫn đến nhiều lần cự cãi nhau. Ngoài ra, anh C ham chơi cờ bạc và ghen tuông vô cớ. Từ đó, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị V đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân từ tháng

11/2019 cho đến nay. Nay chị V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Trịnh Anh T, sinh ngày 20/09/2012, hiện cháu đang chung sống với chị V. Chị V yêu cầu được giành quyền nuôi cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Trịnh Thanh C trình bày: Anh C thống nhất lời trình bày của chị V về quan hệ hôn nhân, con chung, nghĩa vụ chung, thời gian sống ly thân. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân thì chị V trình bày không đúng. Theo anh thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Qua yêu cầu xin ly hôn của chị V thì anh không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

Về con chung: Anh C đồng ý giao cháu T cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Phi V và anh Trịnh Thanh C.

Về con chung: Giao cháu Trịnh Anh T, sinh ngày 20/9/2012 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị V không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị V và anh C xác định không có

Về nghĩa vụ chung: Chị V và anh C xác định không có.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Chị V phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị V và anh C được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định được xác định là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng thừa nhận thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, mất lòng tin lẫn nhau, anh C ham chơi cờ bạc và ghen tuông vô cớ. Từ đó, vợ chồng nhiều lần cự cãi nhau dẫn đến sống ly thân. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị V nộp đơn khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh C vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, chị V cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh C, anh C không đồng ý ly hôn với lý do anh C vẫn còn thương vợ và vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, anh C không đưa ra được biện pháp nào thuyết phục được chị V để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 16/4/2020 xác định: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường hay cự cãi dẫn đến sống ly thân. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, chị V xin ly hôn với anh C là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Có 01 con chung: Cháu Trịnh Anh T, sinh ngày 20/09/2020. Tại phiên tòa, chị V và anh C thỏa thuận, giao cháu T cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị V không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên công nhận.

[2.3] *Tài sản chung:* Chị V và anh C xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] *Nghĩa vụ chung:* Chị V và anh C xác định không có.

[3] *Án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn chị V phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên, việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Phi V và anh Trịnh Thanh C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trịnh Anh T, sinh ngày 20/9/2012 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị V không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh C, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh C.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

3. Về chia tài sản chung: Chị V và anh C xác định không có

4. Về nghĩa vụ chung: Chị V và anh C xác định không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Phi V phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 013014 ngày 21 tháng 02 năm 2020. Công nhận chị V đã nộp xong.

6. Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung An;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng